

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/DS-ST
Ngày: 28-01-2019
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Thủy

Ông Võ Thành Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 483 /2018/DSST ngày 11 tháng 10 năm 2018 về việc : “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 603/2018/QĐXX- DS ngày 12 tháng 12 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2019/ QĐST- DS ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T

Trụ sở: Lầu 8, 266 N, Phường L , Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Bà D-Chức vụ : Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông M, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số 11, khu phố 2, phường Đ, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn xin vắng mặt) .

(Theo văn bản ủy quyền số: 1750/2017/UQ-TTT ngày 27/12/2017 và 1750A/2018/UQ-TTT ngày 02/01/2018).

2. Bị đơn: Ông V, sinh năm 1967; Địa chỉ thường trú: Tổ 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Q; Địa chỉ tạm trú: Số 120/77 đường T, Phường Q, quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 5 năm 2018; bản tự khai ngày 12/12/2018 và trong quá trình xét xử đại diện nguyên đơn ông M trình bày:

Ngày 05/4/2011, ông V có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn T(gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông V, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 13.664.600 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt đến nay ông V đã thanh toán cho ngân hàng số tiền là 8.400.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông V vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông V vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng) nên ngày 16/10/2012, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang dư nợ quá hạn (Điều 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính tới ngày 14/6/2018 là 36.791.182 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 11.414.754 đồng.
- Lãi quá hạn: 25.376.428 đồng.

Và ông V phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 15/6/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tại bản tự khai ngày 12/12/2018, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông V phải thanh toán cho ngân hàng tổng số tiền tạm tính tới ngày 12/12/2018 là 39.012.233 đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 11.414.754 đồng.
- Lãi quá hạn: 27.597.479 đồng.

Và ông V phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập ông V đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông V không đến. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông V tại địa chỉ : Số 120/77 Thống Nhất, phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, được biết: “Ông V có đăng ký tạm trú tại địa chỉ trên từ 14/7/2015 đến tháng 5/2017 thì không thực tế cư trú và sinh sống tại địa chỉ trên.”

Tòa án cũng đã xác minh nơi ông V có hộ khẩu thường trú tại tổ 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Q và được biết “ Ông V có hộ khẩu thường trú tại tổ 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Q, chủ hộ là bà T số hộ khẩu là 135. Hiện giờ cả hộ đã bán nhà đi khỏi địa phương không rõ đi đâu và ở đâu. Ông V không còn cư ngụ tại tổ 1, phường N, thành phố Q, tỉnh Q, không rõ đi đâu và ở đâu”.

Tòa án cũng tiến hành xác minh nơi ông V công tác là công ty LINFOX LOGISTICS VIỆT NAM tại địa chỉ số 2 đường số 3, khu công nghiệp Việt Nam

Singapho, huyện T, tỉnh B được biết” ông V đã nghỉ việc ngày 07/8/2012 và công ty không biết nơi làm việc mới cũng như các thông tin khác của ông V.”.

Tòa án đã yêu cầu Ngân hàng cung cấp chứng cứ nơi cư ngụ của ông V, tuy nhiên ông V chuyển đi ở nơi khác không thông báo cho Ngân hàng, vì vậy đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tyêu cầu Tòa án chuyển vụ án Tòa án Thành phố Q, tỉnh Q nơi ông V có hộ khẩu thường trú để xét xử.

Tòa án chuyển vụ án theo Quyết định số 67/2018/QĐST-DS ngày 26/7/2018 đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết theo thẩm quyền.

Tòa án tiếp tục thụ lý vụ án theo quyết định số 20/2018/QĐST-DS ngày 02/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi chuyển cho Tòa án quận Gò Vấp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và triệu tập ông V đến Tòa án để lấy lời khai nhưng ông V không đến. Ông V chuyển đi ở nơi khác không thông báo cho Ngân hàng, vì vậy đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tyêu cầu Tòa án niêm yết tại nơi cư trú cuối cùng của ông V tại địa chỉ số 120/77 Thống Nhất, tổ 51, khu phố 6, phường 15, quận Gò Vấp để xét xử vắng mặt ông V.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông V không đến, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà ông V hợp lệ theo quy định pháp luật vì vậy Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo pháp luật quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tdo ông M là đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tuy nhiên ông vẫn giữ yêu cầu buộc ông V phải trả số tiền là 39.012.233 đồng, tính đến ngày 12/12/2018 trong đó:

- Nợ gốc : 11.414.754 đồng.
- Lãi quá hạn: 27.597.479 đồng.

Và ông V phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Ông V là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử : Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tsố tiền 39.012.233 đồng , tạm tính đến ngày 12/12/2018, trong đó:

- Nợ gốc : 11.414.754 đồng.
- Lãi quá hạn: 27.597.479 đồng

Ông V phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/12/2018 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tkhởi kiện bị đơn ông V về yêu cầu trả số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 05/04/2011 được ký kết giữa hai bên. Bị đơn ông V có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ số 120/77 Thống Nhất, tổ 51, phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thủ tục tố tụng : Bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về nợ gốc:

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/04/2011 đã ký giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T với ông V cho thấy việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là có thật. Nội dung các bên thỏa thuận trong hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật tại các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/04/2011 đã ký giữa Ngân hàng hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T với ông V ; bản tự khai ngày 12/12/2018 của đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng; Bản sao kê ngày 15/4/2018 và ngày 12/12/2018 và Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông V với hạn mức 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông

V đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 13.664.600 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.400.000 đồng còn lại nợ gốc là 11.414.754 đồng. Tuy nhiên qua nhiều lần nhắc nhở ông V vẫn không thanh toán thêm cho ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Ông V đã vi phạm nghĩa vụ về thời gian thanh toán nợ gốc theo như hợp đồng đã ký kết. Vì vậy yêu cầu của Ngân hàng buộc ông V phải trả số tiền nợ gốc là 11.414.754 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nợ lãi:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định “... Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”.

Căn cứ tại Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 05/04/2011 và Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tđã được ký giữa Ngân hàng và ông V;

Căn cứ vào bảng sao kê ngày 15/4/2018 và bảng sao kê ngày 12/12/2018 Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tạm tính đến ngày 12/12/2018 là 27.597.479 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận và ông V phải tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 13/12/2018 trên số nợ gốc cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng

Như vậy, Hội đồng xét xử buộc ông V phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Tổng số tiền lãi và gốc là 39.012.233 đồng tính đến ngày 12/12/2018, trong đó: Nợ gốc: 11.414.754 đồng và Lãi quá hạn: 27.597.479 đồng. Thanh toán số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về nghĩa vụ nộp án phí và Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Số tiền 901.373 đồng tiền tạm nộp án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029275 ngày 23/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bị đơn phải chịu án phí tương đương với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận là 39.012.233 đồng đồng . Do đó ông V phải chịu án phí là 1.950.611 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 17/6/2010 và được sửa đổi bổ sung năm 2017 ;

- Căn cứ Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 hướng dẫn Tổ

chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Số tiền 39.012.233 đồng (ba mươi chín triệu không trăm mười hai ngàn hai trăm ba mươi ba) đồng, tính đến ngày 12/12/2018. Trong đó nợ gốc là 11.414.754 đồng và lãi quá hạn: 27.597.479 đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông V còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh trên tổng số nợ gốc kể từ ngày 13/12/2018 cho đến khi thanh toán xong theo như lãi suất hợp đồng được ký ngày 05/04/2011 (gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) .

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.950.611(Một triệu chín trăm năm mươi ngàn sáu trăm mười một) đồng .

Hoàn lại tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn tiền 901.373 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0029275 ngày 23/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

3.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận :

- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THA quận Gò Vấp;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tưởng Công Sơn

